

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-PT

Ngày 16-01-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Cao.

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2017/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1355/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hoàng Ái N1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 535/28/30 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Hồng N2, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 535/28/30 đường T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bị đơn - ông Lê Hồng N2.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2017 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Trần Hoàng Ái N1 trình bày:

Bà và ông Lê Hồng N2 tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01, ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh T cấp). Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Bà đã tạo nhiều cơ hội cho hai bên hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N2.

Về con chung: Bà và ông N2 có hai người con chung là Lê Hoàng Duy B (giới tính nam), sinh ngày 17/07/2005 và Lê Hoàng Bảo H, sinh ngày 10/02/2007 (giới tính nam), bà yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Lê Hồng N2 trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng và con chung đúng như bà N1 trình bày, cuộc sống chung vợ chồng không thể không xảy ra mâu thuẫn nhưng những mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng, nguyên nhân là do cách nhìn nhận giữa vợ chồng có sự khác biệt. Ông xác nhận có một lần vào mừng 4 Tết năm 2017 do say xỉn nên ông không kiểm soát được hành vi dẫn đến bạo hành với bà N1, sau đó ông nhận ra lỗi lầm và xin lỗi bà N1, việc làm ông buồn phiền là bà N1 đưa con chung thường xuyên về thăm bên ngoại ít thăm bên nội. Ông rất thương yêu gia đình cùng bà N1 chăm lo nuôi dạy các con trưởng thành nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn ông yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 1355/2017/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân : Bà Trần Hoàng Ái N1 được ly hôn với ông Lê Hồng N2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh T cấp ngày 29/02/2007 không còn giá trị).

2. Về con chung : Giao bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Hoàng Duy B (sinh ngày 17/07/2005) và trẻ Lê Hoàng Bảo H (sinh ngày 10/02/2007) đến tuổi trưởng thành. Bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0017803 ngày 16/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Bà N1 đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 28/9/2017, bị đơn là ông Lê Hồng N2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được hòa giải đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Trần Hoàng Ái N1 trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý hòa giải đoàn tụ gia đình, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Trong nhiều năm qua từ khi sinh con thứ hai đến khi nộp đơn ly hôn bà đã chịu đựng rất nhiều tính cách và nhân cách của ông N2, việc ông N2 đánh bà vào mùng 4 Tết năm nay tại gia đình chồng ở Thành phố H là giọt nước tràn ly nên bà không có thể quay về đoàn tụ gia đình.

Bị đơn là ông Lê Hồng N2 trình bày:

Ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình do ông còn thương vợ con, việc ông đánh bà N1 là do có hơi men trong người nên tức giận nhất thời, nay ông thấy có lỗi và mong muốn vợ con tha thứ để gia đình trở về đoàn tụ cùng nuôi dạy con nên người. Nếu bà N1 vẫn cương quyết ly hôn thì ông đành chấp nhận nhưng cho ông nuôi ít nhất là một con chung để ông có cơ hội hòa giải với vợ con trong gia đình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận G đưa vụ án ra xét xử ngày 20/9/2017, ngày 28/9/2017 ông N2 kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự trình bày cho thấy khả năng để trở về đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1; Con chung cả hai trẻ đã hơn 07 tuổi có lời trình bày yêu cầu ở cùng mẹ, nên tạm thời giao cả hai trẻ B và H cho bà N1 trực tiếp nuôi dạy; Tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Hồng N2 làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông N2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hòa giải đoàn tụ, tại phiên tòa phúc thẩm ông trình bày nếu phải ly hôn cho ông nuôi ít nhất một con chung.

Về hôn nhân: Ông N2 yêu cầu được đoàn tụ gia đình cùng bà N1 trực tiếp nuôi dạy con chung; Bà N1 cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà đã chịu đựng trong nhiều năm nay, bà chỉ mong muốn được ly hôn. Ông N2 trình bày nếu bà N1 vẫn cương quyết ly hôn thì ông chấp nhận nhưng phải cho ông nuôi ít nhất một con chung.

Từ những căn cứ xác minh tại địa phương và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn trong gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nếu duy trì thì không mang đến kết quả nên hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1.

Về con chung: Xét, việc chăm sóc nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ, cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và nguyện vọng của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trẻ Lê Hoàng Duy B, sinh ngày 17/7/2005 (giới tính nam) và trẻ Lê Hoàng Bảo H, sinh ngày 10/02/2007 (giới tính nam); cả hai trẻ có nguyện vọng tha thiết được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: "... Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào

quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”. Bà N1 hiện có thu nhập và nơi ở ổn định; bên cạnh đó hai trẻ B và H đều yêu cầu sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy tạm thời giao con chung là hai trẻ H và B cho bà N1 trực tiếp nuôi dạy. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông N2 do bà N1 không yêu cầu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm đương sự không cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Lê Hồng N2.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà N1 phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông N2 phải nộp án phí; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N2 là người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Hồng N2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 285, Điều 293 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Lê Hồng N2.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Hoàng Ái N1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hoàng Ái N1 được ly hôn với ông Lê Hồng N2. Quan hệ hôn nhân giữa ông N2 và bà N1 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. (Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh T cấp ngày 29/02/2007 không còn giá trị).

2. Về con chung: Giao cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Hoàng Duy B (giới tính nam), sinh ngày 17/7/2005 và trẻ Lê Hoàng Bảo H (giới tính nam), sinh ngày 10/02/2007 đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông N2 do bà N1 không yêu cầu.

Ông Lê Hồng N2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà N1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N2, nếu ông N2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan Quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan Quản lý nhà nước về Trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

4.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0017803 ngày 16/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N1 đã nộp đủ án phí.

4.2/ Án phí phúc thẩm: Ông N2 phải nộp án phí nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N2 đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/ 0027548 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N2 đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh T;
- Chi cục THADS quận G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh